TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10/4/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Tiến Chuẩn, ông Phạm Văn Chữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị T, sinh năm 1996. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số căn cước: 024196009735.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Số căn cước: 024091006561.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau năm 2017, trước khi kết hôn, chị và anh H có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Sau

ngày cưới, chị T về chung sống với anh H ngay tại tổ dân phố N, phường C. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 28/11/2017, hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H không đến Tòa án làm việc.

Tòa án đã tiến hành xác minh với bà Trương Thị T2 là mẹ đẻ anh H. Bà T2 cung cấp thông tin như sau: Anh Nguyễn Văn H là con trai ruột của bà, năm 2017, gia đình bà tổ chức cho anh H1 và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị T về chung sống với anh H và gia đình bà ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T theo bà bà nhận thấy không có mâu thuẫn lớn, chị T và anh H đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay chị T đề nghị ly hôn với anh H, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 28/11/2017, hiện nay đang ở với chị T.

Hiện nay anh T1 đi làm công ty dưới Bắc Giang, địa chỉ cụ thể anh H không nói cho bà biết.

Bằng lời khai này, bà xin nhận thay anh H các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt và cam kết giao lại cho anh H đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên hòa giải, chị T xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự; Điều 6, Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 28/11/2017. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Về án phí: chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Vũ Thị Thanh vắng M, đã có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có chỗ ở tại tổ dân phố Đ, phường P, anh H cư trú tại tổ dân phố N, phường C. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự.

[3] Về Nội dung: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh) ngày 19/4/2017. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử thấy: chị T và anh H đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau. Chị T đề nghị ly hôn với anh H. Anh H biết chị T đề nghị ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc và trình bày quan điểm chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 28/11/2017. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng chị T, Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1, cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Anh H không trình bày quan điểm về nguyện vọng của mình. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T1 cần giao nuôi dưỡng cháu T1 là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 28/11/2017 cho đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002340 ngày 23/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu